

Số: 3583 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 21 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền
giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ,
UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội gồm: Quyết định số 673/QĐ-LĐTBXH ngày 12/5/2017, Quyết định số 1593/QĐ-LĐTBXH ngày 10/10/2017,

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 104/TTr-SLĐTBXH ngày 07/9/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 25 thủ tục hành chính và bãi bỏ 18 thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo trợ xã hội và lĩnh vực Giảm nghèo thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (có Danh mục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ 06/08 TTHC lĩnh vực Bảo trợ xã hội tại Quyết định số 1710/QĐ-UBND ngày 25/05/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa.

Bãi bỏ 09/10 TTHC lĩnh vực Bảo trợ xã hội tại Quyết định số 1709/QĐ-UBND ngày 25/05/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, tỉnh Thanh Hóa.

Bãi bỏ 03/15 TTHC lĩnh vực Bảo trợ xã hội tại Quyết định số 1711/QĐ-UBND ngày 25/05/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (bản điện tử);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Trung tâm Hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *clan*



Lê Thị Thìn

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI SỞ NỘI VỤ, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TỈNH THANH HÓA**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3583 /QĐ-UBND ngày 21 /9 /2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

1. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Tên Thủ tục hành chính (Số hồ sơ của TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Bảo trợ xã hội					
1	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (BLĐ-TBVXH-THA-286369)	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Nội vụ tại Trung tâm Hành chính công tỉnh (số 28 Đại lộ Lê Lợi Phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa)	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội
2	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (BLĐ-TBVXH-THA-286370)	40 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Nội vụ tại Trung tâm Hành chính công tỉnh (số 28 Đại lộ Lê Lợi Phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa)	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội

3	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. (BLĐ-TBVXH-THA-286371)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Hành chính công tỉnh (số 28 Đại lộ Lê lợi Phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa)	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội
4	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. (BLĐ-TBVXH-THA-286372)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Hành chính công tỉnh (số 28 Đại lộ Lê lợi Phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa)	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội
5	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. (BLĐ-TBVXH-THA-286373)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Hành chính công tỉnh (số 28 Đại lộ Lê lợi Phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa)	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội
6	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. (BLĐ-TBVXH-THA-286374)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Hành chính công tỉnh (số 28 Đại lộ Lê lợi Phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa)	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội

7	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp. (BLĐ-TBVXH-THA-286375)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Hành chính công tỉnh (số 28 Đại lộ Lê. Lợi Phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa)	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội
8	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh. (BLĐ-TBVXH-THA-286377)	Tiếp nhận ngay các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở. Các thủ tục, hồ sơ phải hoàn thiện trong 10 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận đối tượng. Trường hợp kéo dài quá 10 ngày làm việc, phải do cơ quan quản lý cấp trên xem xét quyết định.	Cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội
9	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh. (BLĐ-TBVXH-THA-286378)	Theo thỏa thuận	Cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.	Theo quy định	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội
10	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh. (BLĐ-TBVXH-THA-286379)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội

2. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Tên Thủ tục hành chính (Số hồ sơ của TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Bảo trợ xã hội					
1	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện. (BLĐ-TBVXH-THA-286380)	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện hoặc Trung tâm Hành chính công cấp huyện tỉnh Thanh Hóa	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội
2	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện. (BLĐ-TBVXH-THA-286381)	40 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện hoặc Trung tâm Hành chính công cấp huyện tỉnh Thanh Hóa	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội
3	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội. (BLĐ-TBVXH-THA-286382)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện hoặc Trung tâm Hành chính công cấp huyện tỉnh Thanh Hóa	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội

4	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội. (BLĐ-TBVXH-THA-286383)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện hoặc Trung tâm Hành chính công cấp huyện tỉnh Thanh Hóa	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội
5	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội. (BLĐ-TBVXH-THA-286384)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện hoặc Trung tâm Hành chính công cấp huyện tỉnh Thanh Hóa	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội
6	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội. (BLĐ-TBVXH-THA-286385)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện hoặc Trung tâm Hành chính công cấp huyện tỉnh Thanh Hóa	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội
7	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp. (BLĐ-TBVXH-THA-286386)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện hoặc Trung tâm Hành chính công cấp huyện tỉnh Thanh Hóa	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội

8	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện. (BLĐ-TBVXH-THA-286388)	Tiếp nhận ngay các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở. Các thủ tục, hồ sơ phải hoàn thiện trong 10 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận đối tượng. Trường hợp kéo dài quá 10 ngày làm việc, phải do cơ quan quản lý cấp trên xem xét quyết định.	Cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội
9	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện. (BLĐ-TBVXH-THA-286389)	Theo thỏa thuận	Cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.	Theo quy định	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội
10	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện. (BLĐ-TBVXH-THA-286390)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội

3. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Tên Thủ tục hành chính (Số hồ sơ của TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Bảo trợ xã hội					
1	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh. (BLĐ-TBVXH-THA-286376)	32 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội
2	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện. (BLĐ-TBVXH-THA-286387)	32 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội
3	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. (BLĐ-TBVXH-THA-286391)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc UBND cấp xã	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.

Lĩnh vực Giám nghèo

4	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm (BLĐ-TBVXH-THA-286341)	Không quá 07 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận giấy đề nghị của hộ gia đình	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc UBND cấp xã	Không	<p>- Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020;</p> <p>- Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020;</p>
5	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm (BLĐ-TBVXH-THA-286342)	Không quá 07 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận giấy đề nghị của hộ gia đình	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc UBND cấp xã	Không	<p>- Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020;</p>

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÀI BỎ TRÊN CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ TTHC

1. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (Bãi bỏ 06/08 TTHC tại Quyết định số 1710/QĐ-UBND ngày 25/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Số hồ sơ TTHC trên cơ sở dữ liệu quốc gia	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
Lĩnh vực Bảo trợ xã hội			
A. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội			
1	T-THA-286889-TT	Cấp giấy phép hoạt động cơ sở chăm sóc người khuyết tật; cơ sở chăm sóc người cao tuổi thuộc cấp tỉnh quản lý.	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.
2	T-THA-286890-TT	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép cơ sở chăm sóc người khuyết tật; cơ sở chăm sóc người cao tuổi do cấp tỉnh quản lý.	
B. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ			
3	T-THA-286893-TT	Thành lập cơ sở bảo trợ xã hội công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.
4	T-THA-286894-TT	Thành lập cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
5	T-THA-286983-TT	Giải thể cơ sở bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền thành lập của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
6	T-THA-286895-TT	Thay đổi tên, trụ sở, giám đốc, quy chế hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền thành lập của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	

2. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (Bãi bỏ 09/10 TTHC tại Quyết định số 1709/QĐ-UBND ngày 25/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Số hồ sơ TTHC trên cơ sở dữ liệu quốc gia	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
Lĩnh vực Bảo trợ xã hội			
1	T-THA-288419-TT	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở chăm sóc người khuyết tật; cơ sở chăm sóc người cao tuổi thuộc trách nhiệm quản lý của cấp huyện	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.
2	T-THA-288420-TT	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở chăm sóc người khuyết tật; cơ sở chăm sóc người cao tuổi thuộc trách nhiệm quản lý của cấp huyện	
3	T-THA-288421-TT	Thành lập cơ sở bảo trợ xã hội công lập thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện	
4	T-THA-286872-TT	Thành lập cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện	
5	T-THA-288422-TT	Giải thể cơ sở bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền thành lập của UBND cấp huyện	
6	T-THA-288423-TT	Thay đổi tên, trụ sở, giám đốc, quy chế hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền thành lập của UBND cấp huyện	
7	T-THA-286875-TT	Thành lập trung tâm công tác xã hội công lập	Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, định mức nhân viên và quy trình, tiêu chuẩn trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội
8	T-THA-288424-TT	Giải thể Trung tâm công tác xã hội công lập	
9	T-THA-288425-TT	Thay đổi tên gọi, trụ sở làm việc của Trung tâm công tác xã hội	

3. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (Bãi bỏ 03/15 TTHC tại Quyết định số 1711/QĐ-UBND ngày 25/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Số hồ sơ TTHC trên cơ sở dữ liệu quốc gia	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
1	T-THA-288426-TT	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.
2	T-THA-288427-TT	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội.	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.
3	T-THA-286860-TT	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội.	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.